TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 143/2018/DS-ST
Ngày: 17/4/2018
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Lê Tứ Nhị
Các Hội thẩm nhân dân:
Bà Nguyễn Kim Thủy
Bà Lê Thị Thanh Hồng
- ***Thư ký phiên toà***: Ông Nguyễn Tấn Vinh – Thư ký Toà án quận Gò Vấp.
- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tham gia phiên tòa:***
Ông Nguyễn Trung Sáng - Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân quận Gò Vấp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 59/2017/TLST-DS ngày 22 tháng 02 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2018/QĐXX-ST ngày 27 tháng 02 năm 2018 (và Quyết định hoãn phiên tòa số 74/2018/QĐHPT-ST ngày 20 tháng 3 năm 2018) giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng; Trụ sở: Quận 4, Tp.HCM
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh V, sinh năm 1994; Địa chỉ: Quận 3, Tp. HCM

Bị đơn: Bà Phạm Thị X, sinh năm 1969; Địa chỉ: quận Gò Vấp, Tp. HCM
(Ông V có mặt; Bà X vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 20/11/2016 của nguyên đơn là Công ty tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng, bản tự khai và lời trình bày tại phiên tòa của người đại diện hợp pháp là ông Nguyễn Thanh V:

Ngày 30/9/2015 bà Phạm Thị X có ký Đơn đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20150928 – 100248 – 0015 và Văn bản thỏa thuận với Công ty tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng để vay số tiền 55.220.364 đồng với lãi suất 3,33%/ tháng để tiêu dùng cá nhân. Theo thỏa thuận trong hợp đồng, bà X

có nghĩa vụ thanh toán vốn và lãi là 95.630.000 đồng trong thời hạn 36 tháng. Trong 35 tháng đầu mỗi tháng thanh toán số tiền 2.657.000 đồng. Tháng cuối cùng thanh toán 2.635.000 đồng. Bắt đầu thanh toán là ngày 03/11/2015.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà X thanh toán được 05 kỳ với số tiền là 10.928.000 đồng, trong đó vốn đã trả là 3.432.205 đồng và lãi đã trả là 7.495.795 đồng. Kể từ ngày 27/02/2016 thì ngưng trả cho đến nay.

Nguyên đơn yêu cầu Tòa án xét xử buộc bà X có nghĩa vụ thanh toán khoản nợ vốn gốc còn lại là 51.788.159 đồng và lãi tính đến tháng 4/2018 là 31.210.772 đồng. Thanh toán ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Và lãi phát sinh tính trên dư nợ gốc cho đến khi thi hành án xong theo hợp đồng đã ký kết giữa các bên.

Bị đơn bà Phạm Thị X mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đến tòa án làm bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà X không đến. Do đó, Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tòa án cũng đã tống đạt thông báo về kết quả kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho bà X nhưng bà X vẫn vắng mặt do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Xinh.

Tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như nêu trên.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy trình tố tụng giải quyết vụ án.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không tham gia các buổi làm việc, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải của Tòa án là đã tự từ bỏ quyền trình bày và cung cấp chứng cứ của mình.

Về nội dung vụ án: Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại phiên tòa, Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp nhận thấy có cơ sở để chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Đề nghị Tòa án buộc bị đơn thanh toán số tiền 82.998.931 đồng. Và lãi phát sinh theo hợp đồng tính trên dư nợ gốc cho đến khi thi hành án xong.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm tính trên số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn. Hoàn trả lại cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Tòa án nhận định:

[1]. *Về tố tụng:*

1.1 Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án:

Bà Phạm Thị X có vay của Công ty tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng số tiền 55.220.364 đồng để tiêu dùng cá nhân nên xác định giữa bà X và Ngân hàng có giao kết hợp đồng dân sự vay tài sản quy định tại Điều 463 của

Bộ luật dân sự. Do bà X không thanh toán nợ đúng hạn nên nguyên đơn khởi kiện bà X tại nơi bà Xinh cư trú là quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh, điều này phù hợp quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.2 Về người tham gia tố tụng:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Thanh V có mặt tại phiên tòa theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn là bà Phạm Thị X được triệu tập xét xử hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt không có lý do. Tòa án đã yêu cầu Công an địa phương cung cấp tài liệu chứng cứ về tình trạng cư trú của bị đơn. Kết quả xác minh thể hiện: "Bà Phạm Thị X, sinh năm 1969, có đăng ký thường trú tại 68/454A Phạm Văn Chiêu, phường 9, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Nhưng hiện không còn cư trú tại địa chỉ trên, đã chuyển đi từ năm 2015 đến nay không rõ nơi đến". Điều này cho thấy người khởi kiện đã cung cấp đầy đủ và đúng địa chỉ cư trú của người bị kiện nhưng người bị kiện thay đổi nơi cư trú mà không thông báo địa chỉ mới cho cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về cư trú. Thể hiện mục đích che dấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ của bị đơn.

Khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định: "Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc". Bị đơn là bà X đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không đến Tòa án để giải quyết vụ án nên bà X đã tước bỏ quyền được chứng minh của mình. Bà X phải chịu hậu quả của việc không chứng minh. Hội đồng xét xử căn cứ vào bản tự khai, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án làm chứng cứ để xem xét giải quyết vụ án vắng mặt bà Xinh theo khoản 4 Điều 91; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Xét yêu cầu của các đương sự:*

2.1 Khoản 1 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định: "Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp". Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn, các bản tự khai, biên bản ghi nhận ý kiến và lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn; Đơn đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20150928 – 100248 – 0015 và Văn bản thỏa thuận ngày 30/9/2015 và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã có cơ sở để khẳng định: Nguyên đơn có cho bị đơn vay số tiền 55.220.364 đồng để tiêu dùng cá nhân. Theo thỏa thuận trong hợp đồng, bị đơn có nghĩa vụ thanh toán vốn và lãi là 95.630.000 đồng trong thời hạn 36 tháng. Trong 35 tháng đầu mỗi tháng thanh toán số tiền 2.657.000 đồng. Tháng cuối cùng thanh toán 2.635.000 đồng. Bắt đầu thanh toán là ngày 03/11/2015. Quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn thanh toán được 05 kỳ với số tiền là 10.928.000 đồng. Kể từ ngày 27/02/2016 thì ngưng trả cho đến nay.

Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn số nợ vốn còn lại là

51.788.159 đồng và lãi tính đến tháng 4/2018 là 31.210.772 đồng. Thanh toán ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Yêu cầu này của nguyên đơn được các bên thỏa thuận tại Điều 7 của hợp đồng; Phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng và các Điều 280, 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Cần buộc bị đơn có nghĩa vụ thanh toán số nợ trên cho nguyên đơn, thanh toán làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2.2 Về yêu cầu tính lãi phát sinh của nguyên đơn là yêu cầu bị đơn phải thanh toán lãi phát sinh theo hợp đồng tính trên dư nợ gốc cho đến khi thi hành án xong:

Theo án lệ số 08/2016/AL mà Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo quyết định 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao ghi rõ: "Đối với các khoản tiền vay của tổ chức Ngân hàng, tín dụng, ngoài khoản tiền nợ gốc, lãi vay trong hạn, lãi vay quá hạn, phí mà khách hàng vay phải thanh toán cho bên cho vay theo hợp đồng tín dụng tính đến ngày xét xử sơ thẩm, thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay". Do đó, cần buộc bị đơn phải tiếp tục thanh toán lãi quá hạn đối với khoản nợ gốc kể từ sau khi tuyên án sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc, theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

[3] *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Căn cứ quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQHQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Mức án phí bị đơn phải chịu là 5% của số tiền buộc phải thanh toán cho nguyên đơn. Hoàn tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

[4] Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tại phiên tòa là phù hợp với phần nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 và khoản 2 Điều 280; khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Điều 6, 7, 9 và 30 Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQHQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là Công ty tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng do ông Nguyễn Thanh V làm đại diện đối với bị đơn là bà Phạm Thị X.

Buộc bà Phạm Thị X có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng số tiền 82.998.931 đồng (tám mươi hai triệu, chín trăm chín mươi tám ngàn, chín trăm ba mươi mốt đồng) ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà Phạm Thị X còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thoả thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thoả thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Toà án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.149.946 đồng (bốn triệu, một trăm bốn mươi chín ngàn, chín trăm bốn mươi sáu đồng).

Hoàn tiền tạm nộp án phí cho Công ty tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng là 1.645.410 đồng (một triệu, sáu trăm bốn mươi lăm ngàn, bốn trăm mười ngàn đồng) theo biên lai thu số AA/2016/0017845 ngày 22/02/2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận :
- TAND TPHCM;
- VKSNDQGV;
- CCTHADS QGV;
- Đương sự;
- Lưu VP, HS.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Lê Tứ Nhị